

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**  
**ÁP DỤNG TỪ KHÓA: 15 -17**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 775/QĐ-CĐCĐ ngày 04/9/2020  
của Hiệu trưởng Trường CĐCĐ Hậu Giang)*

**Tên ngành, nghề: Dịch vụ Thú y**

**Mã ngành, nghề: 6640201**

**Trình độ đào tạo: Cao đẳng**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên**

**Thời gian đào tạo: 2,5 năm**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo cán bộ kỹ thuật trình độ cao đẳng, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc và sức khỏe tốt; có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp về lĩnh vực chăn nuôi - thú y. Có năng lực làm việc độc lập, đồng thời có khả năng tiếp cận, thích ứng với thực tiễn cao, dễ dàng đáp ứng với yêu cầu phát triển của ngành.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

Sau khi học xong chương trình này, người học có khả năng:

##### **1.2.1 Kiến thức**

- Trình bày được kiến thức cơ bản về dược lý học, miễn dịch học, kỹ thuật chăn nuôi, pháp luật có liên quan đến lĩnh vực dịch vụ thú y;
- Phân tích được các nội dung cơ bản về bệnh lý học, chẩn đoán và phòng, trị các bệnh thông thường của vật nuôi; kiến thức về dịch vụ chăm sóc thú cưng;
- Trình bày được kiến thức cơ bản về khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;
- Trình bày được kiến thức về quản trị, tiếp thị marketing, kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Mô tả được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Phân tích được ưu, nhược điểm của các phương pháp khuyến nông, chuyển giao kỹ thuật về lĩnh vực chăn nuôi thú y;

- Mô tả được toàn bộ các công đoạn trong việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

### **1.2.2 Kỹ năng**

- Thực hiện được các công việc chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;

- Thực hiện được toàn bộ các công đoạn trong công việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho người có trình độ thấp hơn hoặc người chăn nuôi;

- Thực hiện được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;

- Kinh doanh thiết bị và thuốc thú y đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;

- Thực hiện được công tác thú y trong các cơ sở chăn nuôi, các trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp, trung tâm khuyến nông và tham gia sản xuất thuốc thú y;

- Tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia thực hiện các phương án phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;

- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực thú y để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao;

- Ghi được nhật ký công việc, lập báo cáo nội dung, tiến độ công việc. Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh thú y;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;

- Có khả năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, tổ chức và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả;

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi. Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Phòng, chống dịch bệnh;
- Chẩn đoán, điều trị bệnh;
- Khai thác và pha chế tinh dịch;
- Thực hành sản khoa trong thú y;
- Thú y trong khuyến nông;
- Tiếp thị thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Dịch vụ chăm sóc thú cưng.

### **1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Dịch vụ thú y trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

## **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:**

- Số lượng môn học, mô đun: 33
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 89 tín chỉ (2.115 giờ)
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.680 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 645 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.383 giờ; Kiểm tra: 87 giờ.

### 3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
DCT2417	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
DCT2218	Pháp luật	2	30	18	10	2
DCT2219	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
DCT2320	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
DCT2321	Tin học	3	75	15	58	2
DCT2305	Tiếng Anh 1	3	60	21	36	3
DCT2306	Tiếng Anh 2	3	60	21	36	3
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên ngành</b>	<b>69</b>	<b>1680</b>	<b>488</b>	<b>1128</b>	<b>64</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>19</b>	<b>420</b>	<b>144</b>	<b>255</b>	<b>21</b>
CS05T301	Cơ thể học động vật	3	75	15	56	4
CS05T302	Sinh lý học động vật	3	75	14	57	4
CS05T303	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	60	29	28	3
CS05T204	Vệ sinh gia súc	2	45	14	29	2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
CS05T205	Anh văn chuyên ngành	2	45	14	29	2
CS05T206	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong thú y	2	45	15	28	2
CS05T207	Thiết kế chuồng trại	2	45	15	28	2
CS05T208	Luật thú y	2	30	28	0	2
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên ngành</b>	<b>50</b>	<b>1260</b>	<b>344</b>	<b>873</b>	<b>43</b>
CN05T301	Chăn nuôi heo	3	60	29	28	3
CN05T302	Chăn nuôi gia cầm	3	60	29	28	3
CN05T303	Chăn nuôi gia súc nhai lại	3	60	29	28	3
CN05T304	Bệnh ký sinh	3	60	29	28	3
CN05T305	Bệnh truyền nhiễm GS &GC	3	60	29	28	3
CN05T206	Bệnh dinh dưỡng GS&GC	2	45	14	29	2
CN05T207	Bệnh nội khoa	2	45	14	29	2
CN05T308	Giống - Kỹ thuật truyền giống	3	75	14	57	4
CN05T209	Miễn dịch thú y	2	30	28	0	2
CN05T310	Vi sinh thú y	3	75	14	58	3
CN05T311	Dược lý thú y	3	75	14	58	3

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
CN05T212	Sản khoa gia súc	2	45	14	29	2
CN05T213	Kiểm nghiệm súc sản	2	45	15	28	2
CN05T214	Ngoại khoa Thú y	2	45	14	29	2
CN05T315	Khuyến nông	3	60	29	28	3
CN05T316	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho chó mèo	3	60	29	28	3
TN05T301	Thực tập cơ bản	3	135	0	135	0
TN05T502	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>89</b>	<b>2115</b>	<b>645</b>	<b>1383</b>	<b>87</b>

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG  
ÁP DỤNG CHO KHÓA: 18**



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 500/QĐ-CĐCD ngày 13/9/2023  
của Hiệu trưởng Trường CĐCD Hậu Giang)

**Tên ngành, nghề:** Dịch vụ Thú y

**Mã ngành, nghề:** 6640201

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên

**Thời gian đào tạo:** 2,5 năm

## 1. Mục tiêu đào tạo

### 1.1. Mục tiêu chung:

Dịch vụ thú y trình độ cao đẳng là ngành, nghề thực hiện việc sử dụng thuốc thú y, vắc - xin; sử dụng dụng cụ thú y, phòng bệnh, chẩn đoán, điều trị bệnh, khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa, thực hiện các dịch vụ về thú y trong các cơ sở chăn nuôi, các trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp, các xã/phường, thực hiện công tác khuyến nông, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người học sau tốt nghiệp, có thể làm việc trong trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi giống gia súc gia cầm, thuốc thú y, sản xuất thức ăn chăn nuôi; kinh doanh thuốc thú y, bệnh xá thú y, dịch vụ chăm sóc thú cưng, trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các cơ quan nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về chăn nuôi - thú y; các cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp và các tổ chức khác có liên quan đến thú y.

Khối lượng kiến thức tối thiểu: 2100 giờ (tương đương 75 tín chỉ).

Đào tạo cán bộ kỹ thuật trình độ cao đẳng, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm đối với công việc và sức khỏe tốt; có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp về lĩnh vực chăn nuôi - thú y. Có năng lực làm việc độc lập, đồng thời có khả năng tiếp cận, thích ứng với thực tiễn cao, dễ dàng đáp ứng với yêu cầu phát triển của ngành.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sau khi học xong chương trình này, người học có khả năng:

### **1.2.1 Kiến thức**

- Trình bày được kiến thức cơ bản về dược lý học, miễn dịch học, kỹ thuật chăn nuôi và các kiến thức chung về chính sách, pháp luật có liên quan đến thú y;
- Phân tích được các nội dung cơ bản về bệnh lý học, chẩn đoán và phòng, trị các bệnh thông thường của vật nuôi; kiến thức về dịch vụ chăm sóc thú cưng;
- Trình bày được kiến thức về khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;
- Trình bày được kiến thức về quản trị, tiếp thị marketing, kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Mô tả được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Phân tích được ưu, nhược điểm của các phương pháp khuyến nông, chuyên gia kỹ thuật về lĩnh vực chăn nuôi thú y;
- Mô tả được toàn bộ các công đoạn trong việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;
- Trình bày được các nội dung cơ bản về thiết kế, triển khai các đề tài nghiên cứu về lĩnh vực thú y;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

### **1.2.2 Kỹ năng**

- Thực hiện được các công việc chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;
- Thực hiện được toàn bộ các công đoạn trong công việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;
- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn cho người có trình độ thấp hơn hoặc người chăn nuôi;
- Thực hiện được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;
- Kinh doanh thiết bị và thuốc thú y đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;
- Thực hiện được công tác thú y trong các cơ sở chăn nuôi, các trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp, trung tâm khuyến nông và tham gia sản xuất thuốc thú y;

- Tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia thực hiện các phương án phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;

- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực thú y để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao;

- Ghi được nhật ký công việc, lập báo cáo nội dung, tiến độ công việc. Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh thú y;

- Xây dựng và đảm nhận được chương trình phát triển chăn nuôi, thực hiện tốt các kỹ năng nghề nghiệp: Nguyên tắc sử dụng các loại thuốc thú y; vi sinh vật và truyền nhiễm; chẩn đoán, phòng và điều trị các bệnh truyền nhiễm, bệnh nội khoa, bệnh sản khoa, bệnh ngoại khoa; kỹ thuật thiến hoạn, mổ lấy thai... và kiểm soát, khống chế bệnh tật ở cơ sở sản xuất, các trang trại chăn nuôi;

- Lập kế hoạch, chủ trì tổ chức tư vấn chuyên môn, huấn luyện, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người chăn nuôi; tổ chức, điều hành phòng khám thú y và trang trại chăn nuôi;

- Tổ chức quản lý điều hành một đơn vị sản xuất: Quản lý và điều hành các kỹ thuật sử dụng thuốc, vacxin, điều trị bệnh cho vật nuôi. Sử dụng các sản phẩm thú y để nâng cao tỷ lệ tiêu hóa, hấp thu, nâng cao năng suất sinh sản, khả năng đề kháng và tăng trọng ở vật nuôi;

- Quản lý kiểm soát giết mổ, kiểm tra các sản phẩm động vật theo quy định pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng tránh bệnh truyền lây giữa người và động vật;

- Tự lập kế hoạch, tổ chức, sắp xếp và đánh giá kết quả công việc chuyên môn về thú y được giao;

- Viết báo cáo khoa học, kỹ năng thuyết trình về lĩnh vực chuyên môn, kỹ năng giao tiếp;

- Xây dựng được một cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt hiệu quả kinh tế cao;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;

- Có khả năng lập kế hoạch, quản lý thời gian, tổ chức và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả;

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi. Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Phòng, chống dịch bệnh;
- Chẩn đoán, điều trị bệnh;
- Khai thác và pha chế tinh dịch;
- Thực hành sản khoa trong thú y;
- Làm việc tại trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các cơ quan nghiên cứu và chuyên gia công nghệ về chăn nuôi - thú y;
- Tiếp thị thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và sản phẩm chăn nuôi;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học, thuốc thú y, dụng cụ trang thiết bị chăn nuôi, thú y.
- Làm việc trong trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi giống gia súc gia cầm, thuốc thú y, sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Mở trang trại chăn nuôi gia súc gia cầm;
- Mở phòng khám thú y, dịch vụ chăm sóc thú cưng;
- Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp và các tổ chức khác có liên quan đến thú y.

### **1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Dịch vụ thú y trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông

lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 33
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 89 tín chỉ (2.115 giờ)
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.680 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 653 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.377 giờ; Kiểm tra: 85 giờ.

## 3. Nội dung chương trình:

MÃ MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>20</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
DCT2417	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
DCT2218	Pháp luật	2	30	18	10	2
DCT2219	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
DCT2320	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
DCT2321	Tin học	3	75	15	58	2
DCT2305	Tiếng Anh 1	3	60	21	36	3
DCT2306	Tiếng Anh 2	3	60	21	36	3
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên ngành</b>	<b>69</b>	<b>1680</b>	<b>496</b>	<b>1122</b>	<b>62</b>

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>23</b>	<b>510</b>	<b>177</b>	<b>310</b>	<b>23</b>
CS05T303	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	60	29	28	3
CS05T204	Vệ sinh Thú y	2	45	15	28	2
CS05T206	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong thú y	2	45	15	28	2
CS05T207	Xây dựng chuồng trại	2	45	15	28	2
CS05T208	Luật Chăn nuôi - Thú y	2	30	28	0	2
CS05T209	Giải phẫu-sinh lý vật nuôi	4	105	15	86	4
CS05T210	Vi sinh thú y	2	45	15	28	2
CS05T211	Dược lý thú y	3	75	15	57	3
CS05T212	Khuyến nông	3	60	30	27	3
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên ngành</b>	<b>46</b>	<b>1170</b>	<b>319</b>	<b>812</b>	<b>39</b>
CN05T301	Kỹ thuật nuôi heo	3	60	29	28	3
CN05T302	Kỹ thuật nuôi gia cầm	3	60	29	28	3
CN05T303	Kỹ thuật nuôi gia súc nhai lại	3	60	29	28	3
CN05T304	Bệnh ký sinh	3	60	29	28	3

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
CN05T305	Bệnh truyền nhiễm GS &GC	3	60	29	28	3
CN05T206	Bệnh dinh dưỡng GS&GC	2	45	15	28	2
CN05T207	Bệnh nội khoa	2	45	15	28	2
CN05T308	Dịch vụ giống vật nuôi	3	75	14	57	4
CN05T209	Miễn dịch thú y	2	30	28	0	2
CN05T212	Sản khoa gia súc	2	45	15	28	2
CN05T213	Kiểm nghiệm súc sản	2	45	15	28	2
CN05T214	Ngoại khoa Thú y	3	75	15	57	3
CN05T315	Dịch vụ chăm sóc thú cưng	3	60	28	29	3
DCS05T203	Thực tập cơ bản	3	135	0	135	0
TN05T205	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
CN05T316	Chẩn đoán và điều trị học	2	45	15	28	2
CN05T317	Anh văn chuyên ngành	2	45	14	29	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>89</b>	<b>2115</b>	<b>653</b>	<b>1377</b>	<b>85</b>

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**  
**ÁP DỤNG TỪ KHÓA: 19**



**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH DỊCH VỤ THÚ Y, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

(Kèm theo Quyết định số: 574 /QĐ-CĐCD ngày 09 tháng 10 năm 2024  
của Hiệu trưởng trường CĐCD Hậu Giang)

Mã MH/MĐ	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
DCT2422	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
DCT2218	Pháp luật	2	30	18	10	2
DCT2219	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
DCT2320	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
DCT2321	Tin học	3	75	15	58	2
DCT2223	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3
DCT2224	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên ngành</b>	<b>69</b>	<b>1680</b>	<b>496</b>	<b>1122</b>	<b>62</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>23</b>	<b>510</b>	<b>177</b>	<b>310</b>	<b>23</b>
CS05T303	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	3	60	29	28	3
CS05T213	Vệ sinh Thú y	2	45	15	28	2
CS05T206	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong thú y	2	45	15	28	2
CS05T214	Xây dựng chuồng trại	2	45	15	28	2

MÃ MH/MĐ	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
CS05T215	Luật Chăn nuôi - Thú y	2	30	28	0	2
CS05T209	Giải phẫu-sinh lý vật nuôi	4	105	15	86	4
CS05T210	Vi sinh thú y	2	45	15	28	2
CS05T311	Dược lý thú y	3	75	15	57	3
CS05T312	Khuyến nông	3	60	30	27	3
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên ngành</b>	<b>46</b>	<b>1170</b>	<b>319</b>	<b>812</b>	<b>39</b>
CN05T318	Kỹ thuật nuôi heo	3	60	29	28	3
CN05T319	Kỹ thuật nuôi gia cầm	3	60	29	28	3
CN05T320	Kỹ thuật nuôi gia súc nhai lại	3	60	29	28	3
CN05T304	Bệnh ký sinh	3	60	29	28	3
CN05T305	Bệnh truyền nhiễm GS &GC	3	60	29	28	3
CN05T206	Bệnh dinh dưỡng GS&GC	2	45	15	28	2
CN05T207	Bệnh nội khoa	2	45	15	28	2
CN05T321	Dịch vụ giống vật nuôi	3	75	14	57	4
CN05T209	Miễn dịch thú y	2	30	28	0	2
CN05T212	Sản khoa gia súc	2	45	15	28	2
CN05T213	Kiểm nghiệm súc sản	2	45	15	28	2
CN05T322	Ngoại khoa Thú y	3	75	15	57	3
CN05T323	Dịch vụ chăm sóc thú cưng	3	60	28	29	3

Mã MH/MĐ	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
TN05T301	Thực tập cơ bản	3	135	0	135	0
TN05T502	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
CN05T216	Chẩn đoán và điều trị học	2	45	15	28	2
CN05T217	Anh văn chuyên ngành	2	45	14	29	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>88</b>	<b>2115</b>	<b>653</b>	<b>1377</b>	<b>85</b>